**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/NHGĐ-ST
Ngày: 31 - 10 - 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Viết Hải
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hòe, ông Mai Văn Ngọc
***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 493/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; cư trú tại: thôn Xuân H, xã Quảng X, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*Bị đơn*: Anh Lê S, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: thôn Xuân H, xã Quảng X, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình; hiện cư trú tại: 24 Mulhall Drive, St Albans, Vic AUSTRALIA, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 15/9/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ trình bày:*

Chị và anh Lê S có tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó hai bên tự nguyên đến Ủy ban nhân dân xã Quảng X, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau nên gia đình thường xuyên xảy ra xung đột, cải vã. Sau đó, anh S làm thủ tục đi lao động ở nước Úc. Từ đó vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay, người nào lo công việc của người đó, không quan tâm lo lắng gì đến nhau. Hiện tại, chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, nên tình cảm thực sự không còn và không có khả

năng đoàn tụ, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Lê S để mỗi người có cơ hội ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng có hai con chung cháu Lê Gia L, sinh ngày 13/11/2009 và cháu Lê Do L, sinh ngày 22/6/2011. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi anh S trở về Việt Nam thì sẽ giao lại hai con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phía bị đơn anh Lê S:* hiện đang làm việc và cư trú tại nước ngoài. Theo địa chỉ do chị H cung cấp thì anh S hiện cư trú tại: 24 Mulhall Drive, St Albans, Vic AUSTRALIA. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Lê S. Ngày 20/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tự khai ký tên "Sự" gửi về từ Australia có nội dung trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Bản tự khai không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Australia. Ngày 25/10/2021, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký "S" trên Bản tự khai mà Tòa án nhận được. Tại Kết luận giám định số 1027/GĐ-PC09 ngày 28/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận không giám định được do thiếu mẫu so sánh.

Ngày 15/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Công văn số 2133/TAND-CV gửi Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam, yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Lê S đang cư trú ở Australia về việc giải quyết vụ án giữa chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng tin theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn anh Lê S vắng mặt không rõ lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/12/2021, đối với bà Hoàng Thị B, là mẹ ruột của anh Lê S. Bà B xác nhận. Anh Lê S và chị Nguyễn Thị H có quá trình tìm hiêu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng X, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình. Năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị H đã bỏ ra Hà Nội làm ăn, sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến năm 2019, anh S làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài ở Úc (Australia). Trong thời gian anh S làm ăn sinh sống tại Australia, thỉnh thoảng có điện thoại về thăm hỏi gia đình, những lần gọi điện gần đây anh S nói rằng là có biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đang giải quyết vụ việc ly hôn của vợ chồng anh theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, nhưng anh không cho gia đình không biết rõ địa chỉ của anh S ở nước ngoài là như thế nào. Hiện tại anh không thể về Việt Nam để tham gia giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án được và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với việc ly hôn của vợ chồng anh S, chị H gia đình bà không có ý kiến gì, hai vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân một thời gian dài, nay tùy thuộc vào nguyện vọng hai vợ chồng. Anh S, chị H có hai con chung, khi anh S đi nước ngoài thì các cháu sống với mẹ. Hiện

mẹ các cháu là chị H cũng đang đi làm ăn xa nên các cháu được ông bà hai bên nội, ngoại chăm sóc. Về tài sản chung của vợ chồng anh chị có ngôi nhà chung và một số tài sản phục vụ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, hiện nay các con của anh chị đang ở và sử dụng. Việc nuôi con và tài sản chung do vợ chồng quyết định bà không có ý kiến.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2021, đối với các cháu Lê Gia L và cháu Lê Do L, là con chung của anh Lê S và chị Nguyễn Thị H, cả hai cháu trình bày hiện đang sống cùng với mẹ và nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với Bố.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê S; về con chung: giao các cháu Lê Gia L, sinh ngày 13/11/2009 và Lê Do L, sinh ngày 22/6/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi anh S về nước, các bên sẽ tiếp tục thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung: nguyên đơn không có yêu cầu, nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của nguyên đơn, Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Lê S đang làm ăn, sinh sống tại nước Australia, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê S theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, bằng phương thức tống đạt đến cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Australia để thu thập chứng cứ đối với bị đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 20/10/2021, Tòa án đã nhận được Bản tự khai gửi về từ Australia ký tên "S". Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký trên Bản tự khai. Tuy nhiên, do không đủ mẫu so sánh nên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình không có cơ sở để kết luận chữ ký "S" trên Bản tự khai Tòa án nhận được có đúng là chữ ký của bị đơn anh Lê S hay không. Tòa án đã đề nghị cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Australia tiến hành niêm yết công khai Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp lời khai, lài liệu, chứng cứ đối với anh Lê S tại cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Australia và

thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan Đại sứ quán. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Lê S tại thôn Xuân H, xã Quảng X, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình và thông báo cho anh Lê S biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn của vợ chồng anh trên Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc gia qua Đài Tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Lê S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê S theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê S có tìm hiểu và tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền Ủy ban nhân dân xã Quảng X, huyện Quảng Tr, tỉnh Quảng Bình đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2009, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau, có lời nói xúc phạm, cải vã nhau căng thẳng nên chị H đã tự ý bỏ ra Hà Nội làm ăn, sinh sống từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, lo lắng gì cho nhau, người nào biết công việc của người đó, việc anh S đi làm ăn, sinh sống ở nước ngoài chị cũng hoàn toàn không biết cụ thể. Hiện nay, chị H thấy mâu thuẩn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được, nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh S; còn anh S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và đã biết chị H làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, nhưng anh  không quan tâm gì để mặc cho chị H muốn làm gì thì làm. Với lại, phía gia đình của anh S cũng xác nhận tình trạng của vợ chồng anh S, chị H đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Lê S.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Xét ý kiến, yêu cầu của chị Huệ và các con chung thấy: Hiện nay các con chung của vợ chồng đang sống cùng ông bà nội ngoại từ lúc chị đi làm ăn ở Hà Nội và anh S đi làm ăn ở nước ngoài cho đến nay, nhưng chị H và anh S  cũng đã gữi tiền về cho ông bà nội ngoại để lo lắng cho các con đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập. các cháu đã quen với điều kiện sinh hoạt, học tập cùng ông bà nội ngoại, nên có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội ngoại. Tuy nhiên, Chị H đi làm ăn trong nước nên có điều kiện để về chăm sóc, lo lắng cho các cháu, còn anh S đi làm ăn ở nước ngoài chưa biết khi nào về Việt Nam, các cháu chưa đủ tuổi thành niên, nên chị H có nguyên vọng được nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Sau này anh S về sẻ giao lại cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng; còn anh S hiện nay đang làm việc ở Australia, không có mặt tại Việt Nam và chưa biết khi nào về Việt Nam, nên không có điều kiện để trực tiếp quan tâm, lo lắng cho việc chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao hai con chung cháu Lê Gia L và Lê Do L cho chị H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và buộc anh Lê S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật; anh Lê S phải chịu án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung để nộp ngân sách nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê S. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Lê S chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao các cháu Lê Gia L, sinh ngày 13/11/2009 và cháu Lê Do L, sinh ngày 22/6/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Lê S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Trong trường hợp vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0007549 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Lê S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.774.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 274.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và

1.500.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam). Số tiến này chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**Dương Viết Hải**